

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT

Ngày 18-01-2022

"V/v tranh chấp lối đi chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Đức Trường.

Ông Hoàng Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2022, tại Phòng xét xử dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2021/TLDS-PT ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc *"Tranh chấp lối đi chung"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2021/QĐ-PT ngày 02/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐ-PT ngày 21/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐ-PT ngày 29/12/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L1, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 16, phường TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức L2, sinh năm 1963; địa chỉ: Số nhà 26, ngõ 19, tổ 15, phường TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Đức M - Văn phòng Luật sư HP, số 110, đường Phan Bá V, phường Phú D, quận Bắc Từ L, thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn:* Bà Kiều Thị Thanh D, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 26, ngõ 19, tổ 15, phường TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng có mặt tại phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn T2; ông Đặng Văn V1; ông Nguyễn Việt V2; bà Vũ Thị L.

- *Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa:* Ông Phạm Duy H.

Những người làm chứng cùng địa chỉ: Ngõ 19, tổ 15, phường TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Đức L2, sinh năm 1963.

NỘI D VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện không đề ngày (tại phiên tòa sơ thẩm xác định ngày nộp Đơn khởi kiện là ngày 18/11/2020) và các Bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị L1 trình bày:

Năm 2018, bà L1 mua 01 mảnh đất vườn có diện tích 1.640 m² tại tổ 16, phường Trần Phú, thành phố Hà Giang, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) số V 932235 do Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) thị xã Hà Giang cấp ngày 26/12/2002 của hộ bà Vũ Thị L, đăng ký biến động sang tên bà L1; bà L1 đã làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất với diện tích 126m² sang đất ở đô thị. Ngày 01/6/2018 bà L1 đã được UBND thành phố Hà Giang cấp phép xây dựng ngôi nhà trên đất. Khi làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin phép xây dựng nhà, các cơ quan chuyên môn của thành phố Hà Giang là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, Phòng quản lý đô thị thành phố đối chiếu với bản đồ địa chính đã thông báo cho bà L1 biết là có con đường đi qua nhà ông Nguyễn Đức Lợi (*có nhà, đất giáp ngôi nhà bà L1 đi từ ngõ 19, tổ 15, phường Trần Phú*) vào nhà bà L1 và đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp phép xây dựng nhà cho bà L1 vì có điều kiện ngôi nhà bà sẽ xây dựng có lối đi vào qua nhà ông L2. Tuy nhiên, ông L2 đã rào toàn bộ con đường nên bà L1 đã tự mở 01 lối đi từ ngõ 20, tổ 16, phường Trần Phú để đi vào nhà và đề nghị phường Trần Phú, UBND thành phố Hà Giang công nhận là đường dân sinh nhưng không được công nhận. Bà L1 đã đến nhà ông L2 để nói chuyện về việc mở lối đi trước nhà ông L2 vì đó là đường dân sinh, do nhà nước mở, thể hiện trên bản đồ địa chính nhưng gia đình ông L2 không đồng ý mở con đường làm lối đi vào nhà bà. Bà L1 đã làm đơn đề nghị UBND phường Trần Phú hòa giải nhưng không thành. Nay bà L1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang giải quyết tranh chấp, yêu cầu ông L2 phải phá bỏ hàng rào, mở lại con đường để bà L1 có lối đi vào nhà tại ngõ 19, tổ 15, phường TP, thành phố HG.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Đức L2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là bà Kiều Thị Thanh D trình bày:

Gia đình ông L2 sinh sống tại ngõ 19, tổ 15, phường TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang (*viết tắt là ngõ 19*) trên 50 năm về trước, khi đó nhà ông L2 quay mặt hướng đông. Năm 1967, gia đình ông L2 khai phá cây cối để làm vườn. Năm 1978, gia đình ông san mảnh đất vườn đó để xây móng làm nhà quay về hướng nam, đồng thời mở rộng lối đi ở hướng nam để vận chuyển vật liệu xây nhà ở, từ đó mới hình thành con đường đi lên nhà ông L2 như hiện nay, không phải ngẫu nhiên có con đường đi lên nhà ông L2, đó là ngõ cụt, đường đi lại từ ngoài cổng vào đến nhà ông L2 là hết đường, không có lối thông đi đâu cả. Khu đất đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ bà Nguyễn Thị

N, mẹ đẻ ông L2 gồm: GCNQSDĐ số O529511, tờ bản đồ số 8, thửa số 1, diện tích 298,9m² đất thổ cư; GCNQSDĐ số O529542, tờ bản đồ số 8, thửa số 6, diện tích 502m² đất ao. Tháng 11/2019, bà N đã tặng cho ông L2 mảnh đất này, khi đó ông L2 mới biết trên GCNQSDĐ của bà N tặng cho ông lại kẻ vẽ con đường dân sinh qua trước mặt nhà ông, vì từ trước đến nay bà N quản lý, cất giữ GCNQSDĐ, đến khi tặng cho ông L2 khu đất thì ông L2 mới biết có con đường này trên đất. Thực tế, gia đình ông quản lý khu đất từ năm 1967 đến nay, không hề có con đường nào đi qua khu đất. Bản đồ địa chính vẽ đường dân sinh qua trước mặt nhà ông L2 là sai sự thật, hoàn toàn không có đường dân sinh. Ông L2 đề nghị Tòa án xem xét, xác định không có đường dân sinh đi qua trước cửa nhà ông L2.

Việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang ngày 20/5/2021 (có mặt bà L1, vắng mặt ông L2 lần 2), xác định: Lối đi đang có tranh chấp nằm ở cuối ngõ 19, tại số nhà 26, đường Lý Thường K, tổ 15, phường TP, thành phố HG, tỉnh Hà Giang; các vị trí giáp ranh cụ thể: Phía đông giáp đường ngõ 19; phía tây giáp đất bà L1; phía nam, phía bắc giáp đất nhà ông L2.

1. *Về đất:* Nguyên đơn bà L1 xác định con đường gồm 6 điểm sơn được đánh số từ điểm L1 đến L6 khép về L1 (có mảnh trích đo địa chính kèm theo).

2. *Tài sản trên đất:* Cổng đi từ ngõ 19 vào có cột trụ cổng xây gạch chỉ, kích thước 500 x 500 x 2,8 x 2m; cổng sắt kích thước 3,1 x 2,5m; hàng rào xây gạch chỉ 110 có hoa sắt, bổ trụ 220 x 220, kích thước 17 x 1,7m; cổng sắt sát với mép hàng rào ra phía ao cá, kích thước 2,5 x 01m (sát mép tường rào với đất nhà bà L1); sân lát gạch vỉa hè block xi măng 300 x 300, kích thước 17,7 x 2,8m; hàng rào giáp đất bà L1 xây gạch chỉ 220, kích thước 2 x 3m, hoa sắt phía trên, kích thước 0,9 x 2,8m.

Không đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2021, ông L2 đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại lần 2. Ngày 16/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lần 2, có mặt hai bên đương sự. Nguyên đơn bà L1 giữ nguyên quan điểm theo chỉ dẫn của bà L1 tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ lần 1 ngày 20/5/2021.

Bị đơn ông Nguyễn Đức Lợi và vợ bà Kiều Thị Thanh D xác định: Phần đường của ngõ 19 bắt đầu từ đường Lý Thường K vào sát đất nhà ông Nguyễn Mạnh H (anh trai ông L2). Phần đất nằm trước cửa nhà ông Hùng nằm trong GCNQSDĐ của ông Hùng, tiếp đó đến đất nhà ông L2. Phần đất nằm trước cửa nhà ông L2 nằm trong 02 GCNQSDĐ số O529511 và O529542 do UBND tỉnh Hà Giang cấp ngày 17/7/1999 cho hộ bà Nguyễn Thị N; bà Nguyễn Thị N đã tặng cho ông L2 theo hợp đồng số 1989/SCC ngày 24/10/2019 tại Văn phòng công chứng Vị Xuyên, đăng ký biến động ngày 05/11/2019. Do vậy, không có con đường nào đi qua nhà ông L2 theo chỉ dẫn của bà L1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L1. Buộc ông Nguyễn Đức L phải tháo dỡ công trình trên đất, mở trả lại lối đi có diện tích 42,7m², có các vị trí gồm: Phía đông giáp đường dân sinh ngõ 19, kích thước 2,89m; phía tây giáp thửa số 5 (*nay là thửa 341, đất bà L1*), kích thước 1,95m; phía nam giáp thửa số 6 (*đất bà N đã tặng cho ông L2*), kích thước 19,2m gồm 2 đoạn: đoạn 1 kích thước: 6,75m, đoạn 2 kích thước 12,45m; phía bắc giáp thửa số 1 (*đất bà N đã tặng cho ông L2*), kích thước 18,89m. (*Theo mảnh trích đo địa chính số 10-2021 và kết quả lồng ghép mảnh trích đo địa chính ngày 18/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Giang, biên bản xác minh ngày 17/5/2021 với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Giang, biên bản làm việc ngày 25/6/2021 với Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Hà Giang kèm theo Bản án này*).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn bà Lê Thị L1 tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.700.000^d (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*), đã thanh toán xong 1.000.000^d (*một triệu đồng*), bà L1 phải trả cho ông Nguyễn Đức L 700.000^d (*bảy trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Bà Lê Thị L1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền án phí bà L1 đã nộp theo biên lai số 0002402, ngày 22/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, điều kiện thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2021 bị đơn ông Nguyễn Đức L có đơn kháng cáo không nhất trí toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm. Lý do kháng cáo, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L1 là hoàn toàn không có căn cứ. Vì vậy đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án để bảo đảm sự công minh của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Lê Thị L1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Nguyễn Đức Lợi giữ nguyên kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tuy nhiên bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm để “*chờ kết quả giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền*” mới bảo đảm được đúng các tình tiết khách quan của vụ án.

Luật sư Nguyễn Đức M là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án:

Thứ nhất: 02 Đơn khởi kiện của bà L1 đều không ghi ngày, tháng, năm nhưng Tòa án không yêu cầu sửa đổi, bổ sung mà vẫn thụ lý đơn khởi kiện. Mặt khác, bà Lê Thị L1 vi phạm khoản 9 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự vì đã không gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan cho ông L2.

Thứ hai: Luật sư và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng tham gia phiên tòa gồm các ông: Phạm Duy H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Đặng Văn V, Nguyễn Tường L, Nguyễn Việt V là những người cao niên sinh sống lâu năm tại tổ 15, phường TP biết rõ về thực trạng con đường dân sinh ngõ 19 nhưng Tòa án không chấp nhận đề nghị này và Tòa án cũng không đi xác minh lời khai của họ. Bà Vũ Thị L là chủ đất cũ cũng không được triệu tập tham gia phiên tòa. Như vậy, Tòa án đã vi phạm các Điều 70, 76 và 77 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc triệu tập người làm chứng.

Thứ ba: Biên bản xác định ranh giới, mốc giới giữa các thửa đất tiếp giáp của gia đình ông L2 và gia đình bà Lý đều do những người không phải chủ sử dụng đất ký thay nhưng Tòa án không chấp nhận đề nghị của ông L2 về việc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính hợp pháp của các biên bản này là vi phạm điểm g khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự về xác minh, thu thập chứng cứ.

Thứ tư: Hội đồng xét xử không chấp nhận ông Nguyễn Phú T - Chuyên viên pháp lý thuộc Văn phòng Luật sư Hà P làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn với lý do "*Ông T không có Giấy xác nhận là người có năng lực hành vi dân sự*" là cản trở quyền của bị đơn nhờ người khác bảo vệ quyền lợi cho mình theo khoản 13 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội D:* Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1, buộc bị đơn phải mở trả lại lối đi có diện tích 42,7m2... là hoàn toàn không khách quan và không có căn cứ thuyết phục. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào 02 GCNQSDĐ cấp cho gia đình ông L2 năm 1999, tờ bản đồ số 08-HN72 phường TP năm 1997 và chỉnh lý tách thửa ngày 03/4/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Hà Giang, trong đó có thể hiện con đường để đưa ra quyết định này mà không xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án, cố tình bỏ qua tất cả các chứng cứ khách quan về thực trạng đường đi trong ngõ 19, tổ 15, cụ thể là: Các biên bản xác định ranh giới, mốc giới các thửa đất số 01, 06 của bà N và số 05 của bà L ngày 04/11/1997 không có chữ ký của các chủ sử dụng đất liền kề mà do người khác ký thay nên không hợp pháp. Trong giấy xác nhận ghi ngày 20/11/2001 gửi UBND phường Trần Phú, bà Vũ Thị L mô tả về thửa đất mua của ông Ngọc A không hề đề cập đến con đường đi trước nhà bà N. Năm 2000, ông L2 xây tường rào, phân định ranh giới giữa thửa đất của ông L2 với thửa đất của bà Lý nhưng bà Lý không có ý kiến phản đối, điều đó chứng minh không có con đường đi từ ngõ 19 vào đất nhà bà Lý, nay là nhà bà L1. Những người làm chứng như ông Đặng Xuân Hù, ông Nguyễn Văn T, ông Vũ Đình L và những người cao tuổi sống lâu năm tại tổ 15 gồm các ông Phạm Duy H, Nguyễn Văn T, Đặng Văn V, Nguyễn Tường L, Nguyễn Việt V đều khẳng định con đường ở ngõ 19 tổ 15 hiện nay, trước đây là ngõ cụt, vào đến nhà bà Nguyễn Thị N là hết đường.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư Nguyễn Đức Mai và bị đơn Nguyễn Đức L2 đề nghị Hội đồng xét xử tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Vì hiện tại ông Nguyễn Đức L2 đang khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân

tỉnh Hà Giang đề yêu cầu hủy GCNQSD đất do UBND tỉnh Hà Giang cấp cho gia đình ông L2. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án, kháng cáo của ông Nguyễn Đức Lợi không có cơ sở xem xét. Theo GCNQSDĐ số O529511, thửa 01, diện tích 298,9m², loại đất thổ cư; GCNQSDĐ số O529542, thửa 6, diện tích 502m², loại đất ao, cùng tờ bản đồ 8 do UBND tỉnh Hà Giang cấp cùng ngày 17/07/1999 cho hộ bà Nguyễn Thị N mẹ đẻ ông L2, địa chỉ: Tổ 25, phường Trần Phú, thị xã Hà Giang (nay là tổ 15, thành phố Hà Giang), tỉnh Hà Giang và biên bản xác định mốc giới ngày 04/11/1997 đã thể hiện con đường dân sinh, lối đi chung của ngõ, nên việc bà L1 yêu cầu ông Nguyễn Đức L2 phá bỏ tường rào mở lối đi chung là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Đức L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức L2 trong thời hạn luật định. Vì vậy, kháng cáo của ông L2 được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt những người làm chứng: Ông Phạm Huy H, bà Vũ Thị L. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vì họ đã có ý kiến trình bày được lưu trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Đối với yêu cầu của Luật sư Nguyễn Đức M và bị đơn Nguyễn Đức L2 đề nghị Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự để tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm vì lý do ông L2 đang nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính. Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Tòa án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự khi có một trong các căn cứ...*”, trong đó điểm d khoản 1 của Điều luật này quy định “*cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan*”. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L2 cung cấp cho Tòa án “*Đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện*”, điều đó thể hiện vụ án hành chính ông L2 đề nghị Tòa án hủy GCNQSD đất do UBND tỉnh Hà Giang cấp cho gia đình ông chưa được Tòa án thụ lý nên không thuộc trường hợp Tòa án phải tạm đình chỉ giải quyết vụ án do “*cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, việc ông L2 đang đề nghị giải quyết vụ án hành chính không ảnh hưởng đến việc Tòa án xét xử phúc thẩm vụ án dân sự này. Vì

vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án của Luật sư Nguyễn Đức M và bị đơn Nguyễn Đức L2.

[4]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức L2 về việc ông L2 cho rằng đơn khởi kiện của bà Lê Thị L1 không ghi “*ngày, tháng, năm*” Tòa án nhân dân thành phố đã không thông báo sửa đổi bổ sung mà thụ lý vụ án đã vi phạm khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bà L1 không thực hiện nghĩa vụ gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan khác cho bị đơn đã vi phạm khoản 9 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại khoản 2 Điều 190 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định :“ ... *Ngày khởi kiện là ngày đương sự nộp đơn khởi kiện tại Tòa án hoặc ngày được ghi trên dấu của tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi...*”, tại phiên tòa sơ thẩm bà L1 cũng thừa nhận việc không ghi ngày, tháng, năm là do sơ xuất nên chưa điền nội D này, hơn nữa theo quy định của pháp luật ngày khởi kiện được xác định là ngày bà L1 nộp đơn khởi kiện và được Tòa án xác nhận bằng giấy xác nhận đơn khởi kiện. Đối với việc bà L1 không gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu liên quan cho ông L2, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ngày 16/9/2021 bà Kiều Thị Thanh D, là người đại diện theo ủy quyền của ông L2 đã có đơn đề nghị sao chụp tài liệu chứng cứ (*bút lục 228*), nên quyền lợi của ông L2 vẫn được đảm bảo mặc dù bà L1 không thực hiện đúng nghĩa vụ. Vì vậy, hai nội D kháng cáo trên đây của ông L2 không được xem xét, chấp nhận.

[7]. Đối với nội D kháng cáo ông L2 cho rằng những người làm chứng ông L2 yêu cầu Tòa án triệu tập và xác minh gồm các ông: Phạm Duy H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T, Đặng Văn V, Nguyễn Tường L, Nguyễn Việt V là những người cao tuổi sống lâu năm tại tổ 15, phường Trần P biết rõ về thực trạng con đường dân sinh ở khu phố nhưng không được Tòa án chấp nhận. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại bút lục số 157 đã thể hiện việc Tòa án nhân dân thành phố xác minh với Nguyễn Văn T nội D về con đường dân sinh tại ngõ 19, phường Trần P, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Mặt khác, những người làm chứng ông L2 yêu cầu triệu tập cũng đều đã có giấy xác nhận thể hiện ý kiến của từng người về con đường tại ngõ 19 nên không nhất thiết phải triệu tập đến phiên tòa, nhất là tại thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, tình hình dịch bệnh COVID tại thành phố Hà Giang đang diễn biến hết sức phức tạp, việc triệu tập đông người sẽ ảnh hưởng đến việc an toàn trong công tác phòng chống bệnh dịch. Hơn nữa, những ý kiến của những người làm chứng mà ông L2 đề nghị chỉ là quan điểm cá nhân của từng người, mang tính chất tham khảo và chỉ có thể được coi là chứng cứ khi lời làm chứng đó phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

[8]. Đối với nội D kháng cáo ông L2 cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/9/2021 ông đã đề nghị ông Nguyễn Phú T, là chuyên viên pháp lý thuộc Văn phòng Luật sư Hà P làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông nhưng Tòa án thành phố không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, tại điểm d khoản 2 Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự về Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là “*Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có*

án tích hoặc đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an". Cho dù trên thực tế ông Tường thỏa mãn điều kiện là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nhưng ông T không cung cấp được xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc ông Tường là người "không có án tích hoặc đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an" Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm từ chối đăng ký ông T tham gia tố tụng với tư cách là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là hoàn toàn có căn cứ. Mặt khác, tại phiên tòa Luật sư Nguyễn Đức M đã tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L2, nên quyền lợi của ông L2 vẫn được bảo đảm. Vì vậy, kháng cáo của ông L2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[9]. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông L2 cho đề nghị xem xét về tính hợp pháp của Biên bản xác định ranh giới, mốc giới các thửa đất số 01,06 của bà N và số 05 của bà Lý ngày 04/11/1997 và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo lời khai của chị Nguyễn Thị Trung T là con gái bà N tại bút lục số 92,93 thể hiện năm 1991 chị Tâm đi công tác ở Quận B nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm mẹ tại nhà số 26, ngõ 19, tổ 15, phường Trần P, thành phố Hà Giang, đồng thời, chị T cũng không khẳng định rằng bản thân có ký vào văn bản xác định mốc giới ngày 04/11/1997 hay không chỉ nói là không nhớ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L2 cũng khẳng định chị Tâm đi công tác trên huyện Quận B nhưng vẫn có tên trong sổ hộ khẩu gia đình, chưa thực hiện việc chuyển nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chữ ký trong Biên bản xác định ranh giới, mốc giới ngày 04/11/1997 là do chị Tâm ký ra. Hơn nữa, ông L2 cho rằng biên bản xác định mốc giới lập ngày 06/11/1997 là không hợp pháp là thuộc đối tượng khởi kiện hành chính vì vậy không thuộc nội D khởi kiện trong vụ án dân sự tranh chấp lối đi chung với bà L1, nên ông L2 có thể khởi kiện bằng một vụ án hành chính khác nếu cho rằng việc cấp GCNQSDĐ cho bà L1 và bà N là trái pháp luật.

[10]. Cũng như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, về nguồn gốc của con đường dân sinh, bà Vũ Thị L là người chuyển nhượng phần diện tích đất cho bà L1 xác nhận: Bà mua đất từ năm 1981 của ông Ngọc A (*đã chết*), vợ chồng bà chung sống tại khu đất này từ năm 1981 đến năm 1988 thì chuyển đi để lại diện tích đất này cho em gái trồng rau. Để đi vào nhà bà Lý phải đi qua nhà bà N là mẹ đẻ của ông L2 và con đường tại thời điểm bà sử dụng chỉ rộng 1m (*bút lục số 69*). Hơn nữa, theo biên bản xác minh đối với bà Nguyễn Thị H là công dân tổ 16 thể hiện, bà H sống tại ngõ 20, tổ 16, phường Trần P, thành phố Hà Giang từ năm 1984 đến nay. Thời gian bà sinh sống khu vực ngõ 20 là đất của đoàn địa chất 112, bản thân bà cũng chính là công nhân của đoàn địa chất, sau khi đoàn địa chất rời đi thì gia đình bà vẫn tiếp tục sống ở đây, con đường trước cửa ngõ nhà bà là do gia đình tự hiến đất làm đường. Đối với diện tích đất của bà Vũ Thị

L là người bán đất cho bà L1, trước đây không đi lại bằng con đường ngõ 20 (*bút lục số 75*). Vì vậy, nhận thấy con đường mà bà L thường xuyên sử dụng để đi lại, phục vụ sinh hoạt hằng ngày là con đường đi qua nhà ông L2.

[11]. Ngoài ra, những người làm chứng có mặt tại phiên tòa phúc thẩm gồm các ông Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Đặng Văn V1, Nguyễn Việt V2 cho rằng họ là người sống lâu năm ở đây từ những năm 1975 nhưng ngõ 19 không có con đường thể hiện như trong GCNQSD đất của gia đình bà N (*nay là ông L2 quản lý, sử dụng*). Ngõ 19 không phải con đường do Nhà nước mở mà do người dân tự hiến đất làm đường. Bà L là chủ đất cũ của bà L1 ở trên diện tích đất này từ những năm 1980 có nhiều lối đi lại như đi qua nương nước, đi qua sân nhà bà N, đi qua đoàn ca múa nhạc (*tổ 20*), đi qua sân Trung tâm văn hóa tỉnh. Như vậy, lời trình bày của những người làm chứng trong đó vẫn thể hiện để đi được đến khu đất của gia đình bà Lý, nay là bà L1 quản lý, sử dụng vẫn có thể đi qua sân nhà bà N, điều đó thể hiện ngõ 19 Nhà nước có quy hoạch con đường, chứ không phải ngõ cụt như bị đơn đã trình bày, nhưng vì trước đây trong khu đất gia đình bà L1 có ít người sinh sống và mọi người tự đi theo nhiều lối đi khác nhau tiện lợi cho việc sinh hoạt mà chính họ cũng không biết được Nhà nước quy hoạch lối đi nào là chính thống, điều đó cũng phù hợp với thực tế gia đình bị đơn sinh sống tại ngõ 19, tổ 15, đường Trần P đã trên 50 năm đến khoảng năm 2000 mới xây tường rào trên ranh giới thửa đất của bị đơn với đất nhà bà L.

[12]. Tại GCNQSDĐ số O529511, thửa 01, diện tích 298,9m², loại đất thổ cư; GCNQSDĐ số O529542, thửa 6, diện tích 502m², loại đất ao, cùng tờ bản đồ 8 do UBND tỉnh Hà Giang cấp cùng ngày 17/07/1999 cho hộ bà Nguyễn Thị N, mẹ đẻ ông L2, địa chỉ: Tổ 25, phường Trần Phú, thị xã Hà Giang (*nay là tổ 15, thành phố Hà Giang*), tỉnh Hà Giang, đều thể hiện có con đường dân sinh đi vào nhà bà Lý, con đường nằm giữa hai thửa đất của hộ nhà bà N. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2021 và kết quả lồng ghép của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Giang ngày 18/6/2021 cho thấy hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông L2 đang sử dụng vào phần diện tích con đường dân sinh. Đồng thời, tại các biên bản xác minh đối với Phòng Tài nguyên và Môi trường, cán bộ địa chính đã xác định: Căn cứ vào Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 04/11/1997 đối với thửa đất số 1 và số 6 hộ bà Nguyễn Thị N và thửa số 5 bà Vũ Thị L; căn cứ vào tờ bản đồ địa chính số 08-HN72, 09-HN72 có thể hiện con đường dân sinh nằm giữa thửa số 01 và thửa số 6 của đất nhà bà N và có điểm tiếp giáp cuối cùng giáp thửa đất 05 của hộ bà Vũ Thị L nay thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị L1.

[13]. Từ những nội D phân tích ở trên, có căn cứ để khẳng định gia đình ông Nguyễn Đức Lợi đang sử dụng một phần diện tích đất đường dân sinh để sử dụng riêng. Đây là lối đi chung không phải tài sản riêng của bất kỳ hộ gia đình nào trong ngõ 19, nên việc ông L2 xây tường rào là không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như thực tế sử dụng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1 là có căn cứ.

[14]. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Đức L2 không đưa ra được thêm các chứng cứ, tài liệu nào mới có giá trị chứng minh để bảo vệ cho yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ nên không có cơ sở để xem xét.

[15]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang là có căn cứ, được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[16]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đức L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức Lợi.

Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 23/2021/DS-ST ngày 27/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 148, Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 170; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị L1. Buộc ông Nguyễn Đức L2 phải tháo dỡ công trình trên đất, mở trả lại lối đi chung có diện tích 42,7m², có các vị trí gồm:

- Phía đông giáp đường dân sinh ngõ 19, kích thước 2,89m;
- Phía tây giáp thửa số 5 (*nay là thửa 341, đất bà L1*), kích thước 1,95m;
- Phía nam giáp thửa số 6 (*đất bà N, tặng cho ông L2*), kích thước 19,2m gồm 2 đoạn: đoạn 1 kích thước: 6,75m, đoạn 2 kích thước 12,45m;
- Phía bắc giáp thửa số 1 (*đất bà N tặng cho ông L2*), kích thước 18,89m. (*Theo Mảnh trích đo địa chính số 10-2021 và kết quả lồng ghép mảnh trích đo địa chính ngày 18/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Giang, biên bản xác minh ngày 17/5/2021 với Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Giang, biên bản làm việc ngày 25/6/2021 với Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Hà Giang kèm theo*).

2. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Lê Thị L1 tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.700.000^d (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*), đã thanh toán xong 1.000.000^d (*một triệu đồng*), bà L1 phải trả cho ông Nguyễn Đức L2 700.000^d (*bảy trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị L1 tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền án phí bà L1 đã nộp theo biên lai số 0002402 ngày 22/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đức L2 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông L2 đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000576, ngày 13/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS thành phố HG;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Trường Hoàng Văn Tiến

Vương Thị Thu Hà

